

Số: 953 /QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu học phí đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
năm học 2026-2027**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-ĐHTB ngày 19/4/2021 của Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-ĐHTB ngày 30/12/2024 của Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐTĐHTB ngày 26/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc về việc phê duyệt định mức thu học phí đào tạo đại học hệ chính quy từ năm học 2025-2026 đến năm học 2026-2027;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Kế toán - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định mức thu học phí đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm học 2026 - 2027 (có quy định cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các phòng: Kế toán - Tài chính, Đào tạo và Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT-TC.



TS. Nguyễn Văn Định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC



**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo Quyết định số **953**/QĐ-ĐHTB ngày **31** tháng **7** năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Khối ngành	Mức học phí/tháng (nghìn đồng/sinh viên/tháng)	Mức học phí tín chỉ (nghìn đồng/1 tín chỉ)	Ghi chú
Chương trình đào tạo 136 tín chỉ			
1. Khối ngành I - Các ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.790	526	
2. Khối ngành III - Các ngành Kinh doanh và quản lý, pháp luật (Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng)	1.790	526	
3. Khối ngành V - Các ngành Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y (Công nghệ thông tin, Nông học, Nông nghiệp công nghệ cao, Lâm sinh, Quản lý phát thải các bon và Lâm nghiệp bền vững, Chăn nuôi - Thú y, Bảo vệ thực vật, Quản lý sức khỏe cây trồng và nông sản, Quản lý tài nguyên rừng, Công nghệ số trong quản lý bảo vệ tài nguyên rừng)	2.090	615	
4. Khối ngành VI - Các ngành Sức khỏe	2.660	782	
5. Khối ngành VII - Các ngành Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường (Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Tiếng việt và văn hóa Việt Nam)	1.910	562	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

BIỂU TÍNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số **953**/QĐ-ĐHTB ngày **31** tháng **7** năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Trình độ đại học - Chương trình 136 tín chỉ

1. Khối ngành I : Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

Đvt: Nghìn đồng/sinh viên

TT	Chỉ tiêu tính	Năm học	2026-2027	Ghi chú
1	Mức thu/SV/tháng		1.790	
2	Tổng thu/SV/năm học		17.900	
3	Tổng thu/SV/khóa học (4 năm)		71.600	
4	Số tín chỉ		136	
5	Học phí/tín chỉ mức trần		526	
6	Học phí/tín chỉ dự kiến áp dụng		526	



2. Khối ngành III : Kinh doanh và quản lý, pháp luật

Đvt: Nghìn đồng/sinh viên

TT	Chỉ tiêu tính	Năm học	2026-2027	Ghi chú
1	Mức thu/SV/tháng		1.790	
2	Tổng thu/SV/năm học		17.900	
3	Tổng thu/SV/khóa học (4 năm)		71.600	
4	Số tín chỉ		136	
5	Học phí/tín chỉ mức trần		526	
6	Học phí/tín chỉ dự kiến áp dụng		526	

3. Khối ngành V: Các ngành Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y

TT	Chỉ tiêu tính	Năm học	2026-2027	Ghi chú
1	Mức thu/SV/tháng		2.090	
2	Tổng thu/SV/năm học		20.900	

3	Tổng thu/SV/khóa học (4 năm)	83.600	
4	Số tín chỉ	136	
5	Học phí/tín chỉ mức trần	615	
6	Học phí/tín chỉ dự kiến áp dụng	615	

4. Khối ngành VI.1: Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác

TT	Chỉ tiêu tính Năm học	2026-2027	Ghi chú
1	Mức thu/SV/tháng	2.660	
2	Tổng thu/SV/năm học	26.600	
3	Tổng thu/SV/khóa học (4 năm)	106.400	
4	Số tín chỉ	136	
5	Học phí/tín chỉ mức trần	782	
6	Học phí/tín chỉ dự kiến áp dụng	782	

5. Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, Quản lý tài nguyên và môi trường

TT	Chỉ tiêu tính Năm học	2026-2027	Ghi chú
1	Mức thu/SV/tháng	1.910	
2	Tổng thu/SV/năm học	19.100	
3	Tổng thu/SV/khóa học (4 năm)	76.400	
4	Số tín chỉ	136	
5	Học phí/tín chỉ mức trần	562	
6	Học phí/tín chỉ dự kiến áp dụng	562	